

Số: 75/2022/QĐST-DS

G, ngày 10 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN  
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 99/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn*: 1. Ông Phan Văn Minh H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B.

2. Ông Phan Văn S, sinh năm 1954; địa chỉ: số nhà 195, ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B (đã chết). *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*: bà Phạm Thị L sinh năm 1936; địa chỉ: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B. Anh Phan Văn T sinh năm 1978; địa chỉ: số 129F/186/48, Bến Vân Đồn, phường 4, quận 4, Tp. H. Chị Phan Thế K sinh năm 1981; địa chỉ: số 594B8, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố B, tỉnh B.

3. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1957; địa chỉ: số nhà 195, ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B (đã chết). *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T1*: anh Phan Văn T sinh năm 1978; địa chỉ 129F/186/48, Bến Vân Đồn, phường 4, quận 4, Tp. H. Chị Phan Thế K sinh năm 1981; địa chỉ: 594B8, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phạm Thị L sinh năm 1936; địa chỉ: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B.
2. Bà Phan Thị Th (Th) sinh năm 1960; địa chỉ: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B.
3. Bà Phan Thị T sinh năm 1967; địa chỉ: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B.
4. Bà Phan Thị Th sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B.
5. Bà Phan Thị Th1 sinh năm 1959; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện G, tỉnh B.
6. Bà Phan Thị T2, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh B.
7. Bà Phan Thị P1, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp 1A, xã Th, huyện G, tỉnh B.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Minh H, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Th, bà Phan Thị Tr, bà Phan Thị Th, bà Phan Thị T1 và bà Phan Thị P: bà Phan Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh B.*

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T, anh Phan Văn T, chị Phan Thế K: anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp C, xã M1, huyện G, tỉnh B.*

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phan Văn Minh H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào trụ chôn kéo lưới B40 diện tích 27,9m<sup>2</sup> trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H diện tích 121,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 166e, tờ bản đồ 16, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B (có bản vẽ kèm theo).

- Bà Phạm Thị L, anh Phan Văn T và chị Phan Thế K có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H diện tích 6,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 166d, tờ bản đồ 16, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B (có bản vẽ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị Kim H được quyền quản lý, sử dụng hai phần đất nêu trên.

2. Về chi phí tố tụng: 9.770.000đ (chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng):

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền 4.885.000đ (bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ghi nhận bà H đã nộp đủ.

- Ông Phan Văn Minh H, bà Phạm Thị L, anh Phan Văn T và chị Phan Thế K phải liên đới chịu số tiền 4.885.000đ (bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp số tiền 6.431.000đ (sáu triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng), bị đơn ông Phan Văn S đã nộp số tiền 3.339.000đ (ba triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng) và đã thực hiện quyết toán xong nên ông Phan Văn Minh H, bà Phạm Thị L, anh Phan Văn T, chị Phan Thế K phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà H số tiền là 1.546.000đ (một triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Ghi nhận hai bên đã giao nhận xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), mỗi bên nộp một nửa. Cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai số 0011483 (ngày 04/5/2020), 0006787 (ngày 13/01/2021). Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện G trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền còn dư là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai nêu trên.

- Ông Phan Văn Minh H phải nộp số tiền là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Bà Phạm Thị L, anh Phan Văn T, chị Phan Thế K phải liên đới nộp số tiền là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Ngọc Duyên**